

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 17/9/2025.  
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy,

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Xuân Sang và ông Nguyễn Thanh Hải;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST - HNGĐ ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh ngày 01/01/1981; ĐKKHKT và cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố P; Căn cước công dân số: 030181009xxx(có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Anh Khương Viết D, sinh ngày 26/9/1977; ĐKKHKT và cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố P; Căn cước công dân số: 030077023xxx (vắng mặt).

**Người làm chứng:**

-. Ông Khương Viết L, sinh năm 1953; cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố P (vắng mặt).

-. Chị Khương Thị B, sinh năm 2007; cư trú tại: Thôn T, xã Đ, thành phố P (vắng mặt).

**NHẬN THẤY**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: chị và anh Khương Viết D tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Lãng, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/9/1998. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh

mâu thuẫn; nguyên nhân do anh D thường xuyên rượu chè, cờ bạc; mỗi lần uống rượu mất kiểm soát anh D đánh chửi chị thậm tệ. Nhiều lần anh D đập phá đồ đạc trong nhà, phá 2 máy khâu của chị. Đã 3 lần chị phải về nhà bố mẹ đẻ nhưng vì các con chị quay lại hàn gắn gia đình trọn vẹn; sau đó mâu thuẫn vợ chồng vẫn liên tiếp xảy ra. Lần gần nhất là tháng 4/2023, anh D uống rượu say cầm gạch đuổi đánh chị, gia đình và hàng xóm can ngăn. Do không chịu đựng được chị đã về bên ngoại ở cho đến nay, hai bên không còn quan tâm nhau. Chị xác định không còn tình cảm và không muốn quay về chung sống cùng anh D, đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh D. Chị và anh D có 02 con chung là Khương Viêt A, sinh ngày 28/11/2001 và Khương Thị B, sinh ngày 11/6/2007. Các con chị đều đã trưởng thành và phát triển bình thường, chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: bản sao trích lục kết hôn; bản sao (căn cước công dân của chị M; giấy khai sinh của 2 con; trích lục cải chính hộ tịch).

*Quá trình giải quyết vụ án*, anh D đã nhận trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa để hướng dẫn viết bản tự khai; Thông báo quan điểm của nguyên đơn; Thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

*Lời khai ngày 19/8/2025, ông Khương Viêt L (bố đẻ anh D) trình bày:* anh D và chị M chung sống với nhau có lúc này lúc khác, gia đình ông đã khuyên bảo nhiều nhưng tình cảm vợ chồng không thay đổi, anh chị đã sống ly thân 3 năm nay, mỗi người một nơi không quan tâm nhau. Anh D chị M là người trưởng thành, việc còn tiếp tục chung sống cùng nhau hay không là quyền của anh chị ấy, gia đình ông không can thiệp.

*Lời khai ngày 16/8/2025, chị Khương Thị B con gái của chị M, anh D trình bày:* Do ở cùng nhà nên từ lâu chị biết về mâu thuẫn của bố mẹ, có chứng kiến nhiều cuộc cãi nhau, đánh nhau căng thẳng của bố mẹ nhưng vì còn bé nên không vào can được. Khi uống rượu vào mất kiểm soát, bố thường dùng bạo lực với mẹ nên chị rất thương và lo lắng cho mẹ. Cách đây 2 năm 4 tháng bố đánh và đuổi mẹ ra khỏi nhà, mẹ đã về bên ngoại ở với ông bà ngoại, từ đó bố mẹ không còn quan tâm đến nhau.

*Biên bản xác minh ngày 22/8/2025, Chính quyền địa phương xã Đ cung cấp:* Chị Nguyễn Thị M và anh Khương Viêt D có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã. Theo thông tin từ gia đình và bà con lối xóm cho biết, mỗi khi con nóng tính và uống rượu vào thì anh D mất kiểm soát lại đánh chị M và đập phá đồ đạc trong nhà, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, hai bên gia đình có khuyên giải nhưng anh chị đã lựa chọn sống ly thân gần 3 năm nay. Anh chị không đề nghị hoà giải cơ sở. Hiện nay anh D vẫn đang sinh sống tại ngôi nhà

xây dựng trên đất của bố mẹ, hàng ngày làm mộc trong làng. Quan điểm của địa phương mong muốn Tòa án hoà giải, trường hợp chị M vẫn cương quyết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên họp* kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cả hai lần anh D đều vắng mặt.

**Tại phiên toà** vắng mặt bị đơn lần thứ hai; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với nguyên đơn chị M đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh D không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng:

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Khương Viết D.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

[1.1]. *Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* chị Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng giải quyết ly hôn anh Khương Viết D có nơi cư trú tại thôn T, xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng, đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của UBTVQH quy định về thẩm quyền theo lãnh thổ khu vực, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

[1.2]. *Người tham gia tố tụng:* anh D là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị M có đơn xin vắng mặt tại phiên

toà; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[2]. Về nội dung:**

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân*: chị Nguyễn Thị M và anh Khương Viêt D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Lăng, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng) vào ngày 28/9/1998, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị M, anh D chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên đánh, cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng do anh chị không còn thiện chí tiếp tục sống cùng nhau nên đã sống ly thân gần 3 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Anh D đã nhận trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác; Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc để đưa ra quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M; như vậy là anh D không có sự thiện chí níu kéo cuộc hôn nhân này. Xác định không còn biện pháp nào để khắc phục được tình trạng mâu thuẫn và ly thân của vợ chồng hiện nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân của chị M và anh D không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại; chị M yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Quan hệ con chung*: chị M xác định chị và anh D có 2 con chung đều trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết. Anh D đã nhận được Thông báo quan điểm của nguyên đơn nhưng không có ý kiến hay yêu cầu khác; do vậy coi như anh D cũng thống nhất lời trình bày của chị M và không có yêu cầu xem xét về con chung, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: chị M không yêu cầu giải quyết; anh D biết việc Tòa án thu thập chứng để giải quyết các quan hệ trong hôn nhân nhưng anh cũng không có ý kiến gì, được coi là không yêu cầu giải quyết, HĐXX không phải giải quyết;

**[3] Về án phí**: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn (chị M) được chấp nhận, chị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ** vào khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 3 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của UBTVQH quy định về

thẩm quyền theo lãnh thổ khu vực; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M;

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Khương Viết D.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000335 ngày 31/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Hải Phòng. Chị M đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: chị M, anh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận**

- VKSND khu vực 11- Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 11- Hải Phòng;
- Đương sự;
- UBND xã Đại Sơn ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu vụ án; Lưu toà.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm**  
**Thẩm Phán – Chủ toà phiên toà**  
( Đã ký)